

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/HSST
Ngày 23 tháng 6 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhiên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Xuân Thuật**

Bà **Nguyễn Thị Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vinh Quy** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Nhung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công K vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2022/TLST - HS ngày 03 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 61/2022/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Ngọc Q. Sinh năm: 1984. Sinh, trú quán: Khu 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Trình độ học vấn: 4/12. Họ tên bố: Trần Đình H. Đã chết. Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T. Sinh năm: 1966. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Trần Kiều N. Sinh năm: 1986. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Bị cáo có 01 con sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 05/2012/HSST ngày 18/01/2012 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo Cầm đoạt tài sản.

Bản án số 08/2012/HSST ngày 23/03/2012 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 8 tháng tù về tội Lừa đảo Cầm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 02 bản án là 17 tháng tù. Chấp hành xong ngày 28/4/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Theo Lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Anh **Bùi Văn V**, sinh năm 1983; địa chỉ: Bản Khèn Tiên, xã L, huyện P, tỉnh Sơn La. (Vắng mặt)

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Văn Khai**, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn D, xã Q1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt)

* *Người làm chứng:*

1. Anh Triệu Văn C, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

2. Bà Lý Thị T1, sinh năm 1927; (Vắng mặt)

Đều có địa chỉ: thôn Đồng Nội, xã D, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

3. Anh Bùi Văn Tùng, sinh năm 1971; (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đồng Cây, xã D, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc Q và anh Bùi Văn V đều làm công nhân xây dựng tại Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Linh, địa chỉ tại thôn P1 xã G, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, khoảng 20 giờ, ngày 19/3/2020 Q hỏi mượn anh V 01 Céc xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, màu xám đỏ, biển số 26D1-326.89 đi mua đồ ăn. Sau khi đi về, Q dựng xe máy vào chỗ cũ nhưng chưa trả khóa xe cho anh V, sau đó Q mời anh V, anh D1 (là công nhân làm cùng nhưng không rõ tên, tuổi, địa chỉ) sang uống rượu cùng, cả ba uống rượu tại phòng của Q. Sau khi uống một lon bia anh V về phòng ngủ, còn Q và anh D1 uống đến khoảng 24 giờ cùng ngày thì thôi không uống nữa, anh D1 về phòng ngủ. Lúc này Q nảy sinh ý định Cắm đoạt Céc xe trên mang đi bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 02 giờ ngày 20/3/2020, Q điều khiển Céc xe mô tô mượn của anh V đi về nhà của mình tại khu 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Phú Thọ. Trên đường đi, Q dừng lại mở cốp xe mô tô thấy có giấy tờ cá nhân và số tiền 1.160.000 đồng trong ví của anh V, Q lấy số tiền 1.160.000 đồng trong ví, giấy tờ cá nhân của anh V, Q đã rút đi. Cùng ngày, Q đến nhà anh Triệu Văn C chơi và gặp ông Phan Văn K là hàng xóm của anh C. Q nói đang cần tiền muốn bán Chiếc xe mô tô trên, ông K không đồng ý mua vì chiếc xe mô tô không có giấy tờ. Q nói cứ mua đi rồi Q gửi giấy tờ lên cho ông K sau, nên ông K đồng ý. Sau khi thỏa thuận, Q nhận số tiền 2.500.000 đồng và hẹn một tuần sau sẽ gửi giấy tờ xe. Số tiền có được từ việc bán xe và tiền trong cốp xe Q đã tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 20/4/2020, ông K mang Chiếc xe mô tô trên đến Công an xã D, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trình báo và giao nộp.

Ngày 20/3/2020 anh V không thấy Q trả xe đã gọi điện thoại yêu cầu Q trả xe nhưng không được và không liên lạc được với Q. Thời gian gần đây anh biết được tin Q đã bán chiếc xe của anh nên đến ngày 17/3/2022 anh Bùi Văn V đến Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên trình báo.

Ngày 18/3/2022, Trần Ngọc Q đến Công an huyện Y đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 21/3/2022, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Y, tỉnh Hưng Yên ra Kết luận định giá tài sản số 08, kết luận: 01 Céc xe mô tô biển số 26D1-326.89 nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn xám- đỏ, xe đăng ký lần đầu ngày 10/3/2020. Giá trị của tài sản tại thời điểm ngày 19/3/2020 là 22.000.000 đồng.

Đối với 01 Céc xe mô tô biển số 26D1-326.89 nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn xám - đỏ là của anh Bùi Văn V. Ngày 29/3/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên đã trả lại cho anh V cùng giấy tờ có liên quan, anh V đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Đối với số tiền 1.160.000 đồng và các giấy tờ nhân dân của anh để trong cốp xe đã bị bị cáo lấy và vứt đi, anh V không yêu cầu bị cáo phải bồi thường hay trả lại.

Đối với ông Phan Văn Khai là người mua chiếc xe mô tô trên của Q. Ông K không biết chiếc xe mô tô là do Q phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Ông Phan Văn K không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 2.500.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 68/QĐ-VKS-YM ngày 03/6/2022 của Viện kiểm sát huyện Y đã truy tố bị cáo Trần Ngọc Q về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bị cáo Trần Ngọc Q khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà có quan điểm xác định sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo và quyền lợi của họ nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Q phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Q từ 01 (năm) 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2022.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản gì giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp Ngân sách nhà nước của Trần Ngọc Q số tiền 1.160.000 đồng và số tiền 2.500.000 đồng.

- Bị cáo không tranh luận gì và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện VKSND huyện Y đều đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm nên sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản vụ việc, kết luận định giá và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 19/3/2020 Trần Ngọc Q đã mượn chiếc xe mô tô biển số 26D1-326.89 nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn xám - đỏ của anh Bùi Văn V trị giá 22.000.000 đồng trong cốp xe có số tiền 1.160.000 đồng với mục đích đi mua đồ nhậu, sau đó ngày 20/3/2020 Q đã mang bán chiếc xe cho ông Phan Văn K, ở thôn Đồng Nội, xã D, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, với giá 2.500.000 đồng để tiêu sài cá nhân, rồi bỏ trốn.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lợi dụng sự tin tưởng của anh V sau khi nhận được xe mô tô đã chiếm đoạt chiếc xe trên mang đi bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân sau đó bỏ trốn là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Do đó, VKSND huyện Y truy tố bị cáo là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại đến quan hệ sở hữu tài sản được Luật hình sự bảo vệ. Bản thân bị cáo đã nhiều lần bị kết án về tội phạm liên quan và phải chấp hành hình phạt tù, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học nghiêm khắc cho bản thân, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật nên việc áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đầu thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly

bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Đối với Céc xe mô tô biển số 26D1-326.89 nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn xám - đỏ của anh Bùi Văn V, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh V, anh V không yêu cầu đề nghị gì nên HĐXX không xem xét .

Đối với số tiền 1.160.000đồng Q đã lấy trong cốp xe của anh V và tiêu sài hết, quá trình điều tra anh V không yêu cầu Q phải bồi thường số tiền này, đối với số tiền 2.500.000đồng ông Phan Văn Khai đã trả cho Q khi mua xe mô tô của Q, ông K không yêu cầu bị cáo Q phải trả lại ông số tiền này. HĐXX thấy số tiền 1.160.000đồng là tiền liên quan đến tội phạm mà có và số tiền 2.500.000đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên cần tịch thu của bị cáo Trần Ngọc Q tổng số tiền là 3.660.000đồng để nộp Ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc Q phạm tội Lạm dụng tín nhiệm Cầm đoạt tài sản.

3. Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc Q 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2022

4. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu của bị cáo Trần Ngọc Q tổng số tiền 3.660.000đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) để nộp Ngân sách nhà nước.

6. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc Q phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

7. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Y;
- C cục THA dân sự huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Phú Thọ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Nhiên